

Bản án số: 53/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 23-12-2021
Về việc: “*Xin ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C - TỈNH L**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Bảo.

Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Đoàn.

Ông Trần Văn Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thanh Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C: Bà Từ Ngọc Hòa - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 12 năm 2021 tại Trụ sở, Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 136/2021/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 11 năm 2021 về việc “*Xin ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 08 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim A, sinh năm 1979 (vắng mặt).

Địa chỉ: A9/1 ấp 1, xã BC, huyện BC, Thành phố M.

- Bị đơn: Ông Phạm Minh T, sinh năm 1980 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Phú Thành, xã Phước Lý, huyện C, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn và biên bản hòa giải ngày 12/11/2021, bà Nguyễn Thị Kim A trình bày nội dung vụ kiện như sau:

Sau thời gian tìm hiểu, quen biết, bà A và ông Phạm Minh T chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, không hợp nhau. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 4/2021 đến nay. Do đó nay bà A yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà A được ly hôn với ông T.

Về con chung: vợ chồng chung sống có 02 con chung tên: Phạm Ngọc Thu Ng, sinh ngày 17/4/2006 và Phạm Ngọc Kim Ng, sinh ngày 06/8/2011, hiện hai con đang sống với bà A, sau ly hôn bà A yêu cầu được quyền nuôi 02 con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: bà A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Phạm Minh T trình bày tại biên bản hòa giải ngày 12/11/2021:

Ông T thống nhất với lời trình bày của bà A về thời gian và điều kiện kết hôn. Nay bà A yêu cầu ly hôn thì ông T đồng ý.

Về con chung: vợ chồng có 02 con chung như bà A trình bày. Sau ly hôn ông T yêu cầu được nuôi cháu Kim Ng, giao cháu Thu Ng cho bà A nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: ông T trình bày là vợ chồng có tài sản chung gồm:

Quyền sử dụng đất và căn nhà trên đất (nhà lầu 2,5 tầng), loại đất thổ, tọa lạc tại KDC ấp 4, xã Phước Lợi, huyện B, tỉnh L; Quyền sử dụng đất đối với thửa đất có kích thước 6m x 27m, loại đất thổ, tọa lạc tại đường T12, xã BC, huyện BC, Thành phố M; Quyền sử dụng đất đối thửa đất có diện tích 1.000m², loại đất lúa, tọa lạc tại đường Huỳnh Hữu Trí, xã BC, huyện BC, Thành phố M; Quyền sử dụng đất đối với thửa đất có kích thước 5m x 27m, loại đất thổ, tọa lạc tại xã Long Trạch, huyện Cần Đức, tỉnh L.

Về nợ chung: Vợ chồng có nợ chung gồm:

Nợ ba ruột ông T là ông Phạm Văn Hóa, sinh năm 1956; Địa chỉ: Ấp Phú Thành, xã Phước Lý, huyện C, tỉnh L 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) và nợ Ng hàng TMCP Á Châu (ACB)- chi nhA Tân Túc, huyện BC, Thành phố M 3.000.000.000 đồng (ba tỷ đồng)

Ông T yêu cầu được chia đôi tài sản chung, nợ chung với bà A.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ quy định của pháp luật tố tụng dân sự và những người tham gia tố tụng trong vụ án chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Tại phiên tòa thành phần những người T hành tố tụng có thay đổi so với quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng được thống nhất của đương sự và đại diện Viện kiểm sát. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử tại phiên tòa các đương sự đã thực hiện theo đúng các quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa nguyên đơn vắng mặt, nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử quyết định vẫn T hành xét xử vụ án là phù hợp với khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự

Về nội dung: đề nghị căn cứ vào Điều khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 58; các Điều 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Tại phiên tòa nguyên đơn bà A vắng mặt, nhưng có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt đề ngày 12/11/2021. Do đó căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án T hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn là bà A. Bị đơn ông T có mặt,

[1] Về hôn nhân: tại phiên tòa ông T trình bày là vợ chồng chung sống với nhau vào năm 2005 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phước Lý, huyện C, tỉnh L theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 141/2005 ngày 03/11/2005, nên hôn nhân của bà A và ông T là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống theo biên bản hòa giải ngày 12/11/2021 thì bà A cho rằng nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, nên bà A yêu cầu ly hôn, trước yêu cầu ly hôn của bà A, ông T đồng ý. Xét thấy việc thuận tình ly hôn giữa bà A và ông T là hoàn toàn tự nguyện phù hợp theo quy định tại Điều 55 của luật hôn nhân và gia đình, nên ghi nhận.

[2] Về con chung: bà A và ông T trình bày thống nhất tại biên bản hòa giải ngày 12/11/2021 là quá trình chung sống có 02 con chung: Phạm Ngọc Thu Ng, sinh ngày 17/4/2006 và Phạm Ngọc Kim Ng, sinh ngày 06/8/2011. Khi ly hôn bà A yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung, khi tòa án hòa giải, ông T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Kim Ng, giao cháu Thu Ng cho bà A nuôi dưỡng. Tuy nhiên tại phiên tòa ông T tự nguyện đồng ý giao hai con chung cho bà A nuôi dưỡng, nên ghi nhận và hiện hai con chung đều trên 07 tuổi, tại bản ghi ý kiến ngày 21/10/2021 hai cháu Thu Ng và Kim Ng đều có nguyện vọng sống với bà A, nên giao cho bà A được tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của luật hôn nhân và gia đình. Về phần cấp dưỡng nuôi con, do bà A không yêu cầu, nên không xem xét.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: tại biên bản hòa giải ngày 12/11/2021 ông T trình bày là vợ chồng có tài sản chung và cũng có nợ chung, đồng thời có yêu cầu chia tài sản chung. Tuy nhiên cũng trong nội dung biên bản hòa giải ngày 12/11/2021 Tòa án đã ấn định cho ông T trong hạn 15 ngày kể từ ngày hòa giải, ông T phải nộp đơn yêu cầu và tài liệu chứng cứ kèm theo chứng minh cho yêu cầu của mình, nhưng đến phiên tòa hôm nay ông T vẫn chưa nộp đơn yêu cầu. Do đó phần tài sản chung, nợ chung của ông T, bà A tách ra giải quyết thành một vụ án khác khi có đơn yêu cầu.

[4] Về án phí: bà A phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 55; Điều 56; Điều 58; các Điều 81; 82; 83; 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim A.

1. Về hôn nhân: công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Kim A và ông Phạm Minh T.

2. Về con chung: giao cho bà Nguyễn Thị Kim A được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung tên: Phạm Ngọc Thu Ng, sinh ngày 17/4/2006 và Phạm Ngọc Kim Ng, sinh ngày 06/8/2011. Ông Phạm Minh T không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn bên không nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được quyền cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: bà Nguyễn Thị Kim A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012552, ngày 08/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C sang án phí.

Án xử sơ thẩm công khai có mặt bị đơn, báo cho các bị đơn biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án. Nguyên đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận

- Tòa án tỉnh L;
- VKS huyện C;
- THA huyện C;
- UBND cấp xã nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH L**

NGUYỄN ĐỨC BẢO
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 10 giờ 00 phút, ngày 23 tháng 12 năm 2021.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Bảo

Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Đoàn

Ông Trần Văn Xuân.

T hành nghị án vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 136/2021/TLST- HNST ngày 08 tháng 11 năm 2021 về vụ án ly hôn giữa:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Kim A, sinh năm 1979;

Địa chỉ: A9/1 ấp 1, xã BC, huyện BC, Thành phố M.

- **Bị đơn:** Ông Phạm Minh T, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Ấp Phú Thành, xã Phước Lý, huyện C, tỉnh L.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

1. Về những vấn đề cần giải quyết:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 55; Điều 56; Điều 58; các Điều 81; 82; 83; 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim A.

Về hôn nhân: công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Kim A và ông Phạm Minh T.

Về con chung: giao cho bà Nguyễn Thị Kim A được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung tên: Phạm Ngọc Thu Ng, sinh ngày 17/4/2006 và Phạm Ngọc Kim Ng, sinh ngày 06/8/2011. Ông Phạm Minh T không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn bên không nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được quyền cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

2. Về án phí: 3. Về án phí: bà Nguyễn Thị Kim A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012552, ngày 08/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C sang án phí.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

3. Về quyền kháng cáo:

Án xử sơ thẩm công khai có mặt bị đơn, báo cho các bị đơn biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án. Nguyên đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nghị án kết thúc vào hồi 10 giờ 00 phút, cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA

TRẦN VĂN ĐOÀN - TRẦN VĂN XUÂN

NGUYỄN ĐỨC BẢO